

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Số: **480** /ĐHV-TCCB
V/v thông báo chương trình học
bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại
Trung Quốc năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày **26** tháng **4** năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Trường Đại học Vinh nhận được Công văn số 1583/ BGDDĐT-TCCB, ngày 22/4/2021, về việc cử viên chức tham gia các khóa đào tạo tại Trung Quốc theo Công văn số 2141/BKHĐT-KTĐN, ngày 15/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nhà trường đề nghị các đơn vị trong toàn Trường thông báo đến các cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị được biết.

Cán bộ, viên chức và người lao động có nguyện vọng đăng ký tham gia các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo Công văn số 2141/BKHĐT-KTĐN, ngày 15/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có Công văn gửi kèm theo) thì hoàn thiện hồ sơ và gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) trước ngày 15/5/2021 để Nhà trường xem xét.

Mọi chi tiết xin liên hệ trực tiếp với đồng chí Nguyễn Thị Xuân Lộc - Phó Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ để được hướng dẫn cụ thể.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1583 /BGDĐT-TCCB
V/v cử viên chức tham gia các khóa
đào tạo tại Trung Quốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

Ngày 19/4/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 2141/BKHĐT - KTĐN ngày 15/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo tại Trung Quốc, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng đơn vị thông báo nội dung Công văn trên để công chức, viên chức của đơn vị đăng ký tham gia.

Công văn cử công chức, viên chức của đơn vị đăng ký tham gia các khóa đào tạo kèm hồ sơ ứng viên (theo hướng dẫn tại công hàm của Đại sứ quán Trung Quốc) đề nghị gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15/5/2021.

Gửi kèm Công văn số 2141/BKHĐT-KTĐN ngày 15/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



Nguyễn Viết Lộc

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2141 /BKHD-T-KTDN

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

V/v cử cán bộ tham dự các khoá
đào tạo tại Trung Quốc

Kính gửi:



- Các Bộ: Nội vụ, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Công an, Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công hàm số 011/TM/2021 ngày 05/3/2021 của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam thông báo chương trình học bổng đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ tổ chức tại Trung Quốc bắt đầu từ năm 2021 và đề nghị phía Việt Nam cử ứng viên tham gia dự tuyển.

Thông tin chi tiết về nội dung đào tạo, đối tượng tham dự và các nội dung liên quan đề nghị tham khảo công hàm và tài liệu gửi kèm theo.

Căn cứ nội dung đào tạo và chỉ tiêu phân bổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quý Cơ quan xem xét cử ứng viên tham gia dự tuyển (theo hướng dẫn tại công hàm của Đại sứ quán Trung Quốc) và gửi công văn trả lời kèm theo hồ sơ ứng viên về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **20/5/2021** để thông báo cho phía Trung Quốc.

Lưu ý: Ứng viên đăng ký tham dự cần đăng ký hồ sơ trên trang Website: www.campuschina.org trước ngày 30/4/2021.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Vụ Kinh tế đối ngoại, điện thoại 08043150, 0982214375 hoặc đầu mối liên hệ của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ TCCB (để cử ứng viên);
- Lưu: VT, KTDN. CA

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**



Phạm Hoàng Mai
Phạm Hoàng Mai

c. Hai 10/3
→ 9. Chien 11/3
15/01/21

EMBASSY OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

ĐẾN

Ngày: 8.3.21

Chuyên: 10.3.21

Số và ký hiệu HS:

Số: 011/TM/2021

Phòng Tham tán Kinh tế và Thương mại Đại sứ quán nước CHND Trung Hoa tại Việt Nam kính chào Vụ Kinh tế Đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước CHXHCN Việt Nam và trân trọng thông báo như sau:

Nhằm thúc đẩy sự hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển, Phía Trung Quốc đã xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực bằng hình thức viện trợ không hoàn lại trong nhiều lĩnh vực cho các nước đang phát triển. Theo kế hoạch đào tạo viện trợ nguồn nhân lực năm 2020, Bộ Thương mại Trung Quốc sẽ triển khai 37 dự án trường đại học (University Program) tại 32 trường đại học Trung Quốc (đính kèm theo) và 1 dự án của Ủy ban Quỹ lưu học sinh (CSC Program, đính kèm theo) bằng hình thức là cấp học bổng chính phủ, cấp bằng tiến sĩ và thạc sĩ, thời gian đào tạo là 1-3 năm. Các chi phí (học phí, phí sinh hoạt, phí thuê nhà v.v.) sẽ do phía Trung Quốc đài thọ. Nếu phía Việt Nam có ý muốn cử học viên tham gia các dự án nêu trên, Phòng Tham tán Kinh tế và Thương mại Đại sứ quán Trung Quốc đề nghị Quý Vụ cung cấp hồ sơ của các học viên theo yêu cầu chiêu sinh (sẽ gửi qua email) trước ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Đồng thời xin Quý vụ chỉ đạo các học viên đăng ký trên mạng (Website: www.campuschina.org), mã đăng ký của các trường đại học trong phụ kiện đính kèm theo. Thời hạn đăng ký trên mạng của dự án nêu trên là trước ngày 30 tháng 04 năm 2021 và thời hạn nộp hồ sơ tại ĐSQ Trung Quốc là trước ngày 30 tháng 05 năm 2021.

Mọi việc xin liên hệ: Mrs. Tào Hiệu Kiều, số dt: 02437471695, email: taohieukieu@gmail.com.

Nhân dịp này, Phòng Tham tán Kinh tế và Thương mại Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam xin một lần nữa gửi tới Vụ Kinh tế Đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư lời chào trân trọng.

Phòng Tham tán Kinh tế và Thương mại
Đại sứ quán nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa
tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam



Kính gửi: Vụ Kinh tế Đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam

2020年援外学历学位教育项目列表

序号	项目名称	承办单位	学制	机构代码	开学时间	毕业时间
1	2020级公共管理（公共政策）硕士项目	北京大学	1	10001	2021年9月1日	2022年8月31日
2	2020级公共管理（国家发展）硕士项目	北京大学	1	10001	2021年9月1日	2022年8月31日
3	2020级工商管理硕士项目	北京师范大学	1	10027	2021年9月1日	2022年8月31日
4	2020级工商管理（MBA）项目	对外经济贸易大学	1	10036	2021年9月1日	2022年8月31日
5	2020级教育学硕士项目	华东师范大学	1	10269	2021年9月1日	2022年8月31日
6	2020级公共外交硕士项目	吉林大学	1	10183	2021年9月1日	2022年8月31日
7	2020级国际公共管理硕士项目	清华大学	1	10003	2021年9月1日	2022年8月31日
8	2020级国际关系硕士项目	外交学院	1	10040	2021年9月1日	2022年8月31日
9	2020级国际传播硕士项目	中国传媒大学	1	10033	2021年9月1日	2022年8月31日
10	2020级公共管理硕士项目（中国治理）	中山大学	1	10558	2021年9月1日	2022年8月31日
11	2020级城乡规划学硕士学位项目	北京交通大学	2	10004	2021年9月1日	2023年8月31日
12	2020级交通运输工程硕士学位项目	北京交通大学	2	10004	2021年9月1日	2023年8月31日
13	2020级林业经济与政策硕士学位项目	北京林业大学	2	10022	2021年9月1日	2023年8月31日
14	2020级教育管理硕士项目	东北师范大学	2	10200	2021年9月1日	2023年8月31日
15	2020级旅游与酒店管理硕士项目	哈尔滨商业大学	2	10240	2021年9月1日	2023年8月31日
16	2020级工业工程硕士学位项目	湖南大学	2	10532	2021年9月1日	2023年8月31日
17	2020级信息与通信工程专业硕士项目	华中科技大学	2	10487	2021年9月1日	2023年8月31日
18	2020级国际商务硕士项目	江西财经大学	2	10421	2021年9月1日	2023年8月31日
19	2020级公共卫生硕士专业学位项目	南方医科大学	2	12121	2021年9月1日	2023年8月31日
20	2020级农业专业硕士项目	南京农业大学	2	10307	2021年9月1日	2023年8月31日
21	2020级气象学硕士项目	南京信息工程大学	2	10300	2021年9月1日	2023年8月31日
22	2020级软件工程硕士项目	南开大学	2	10055	2021年9月1日	2023年8月31日
23	2020级国际发展与治理硕士项目	清华大学	2	10003	2021年9月1日	2023年8月31日
24	2020级会计专业硕士项目	上海国家会计学院	2	80402	2021年9月1日	2023年8月31日
25	2020级发展中国家环境工程专业硕士项目	苏州科技大学	2	10332	2021年9月1日	2023年8月31日
26	2020级环境资源与可持续发展国际硕士项目	同济大学	2	10247	2021年9月1日	2023年8月31日
27	2020级国际法和国际法硕士项目	武汉大学	2	10486	2021年9月1日	2023年8月31日
28	2020级电气工程硕士项目	西安交通大学	2	10698	2021年9月1日	2023年8月31日
29	2020级机械工程硕士项目	西南交通大学	2	10613	2021年9月1日	2023年8月31日
30	2020级项目管理专业硕士项目	云南财经大学	2	10689	2021年9月1日	2023年8月31日
31	2020级比较教育硕士项目	浙江师范大学	2	10345	2021年9月1日	2023年8月31日
32	2020级农村发展与治理硕士项目	中国农业大学	2	10019	2021年9月1日	2023年8月31日
33	2020级国民经济管理学硕士项目	中国人民大学	2	10002	2021年9月1日	2023年8月31日
34	2020级社会工作专业（女性领导力与社会发展）硕士项目	中华女子学院	2	11149	2021年9月1日	2023年8月31日
35	2020级高级护理及医疗技术硕士项目	中南大学	2	10533	2021年9月1日	2023年8月31日
36	2020级轨道交通（装备方向）硕士项目	中南大学	2	10533	2021年9月1日	2023年8月31日
37	2020级理论经济学（国家发展）博士项目	北京大学	3	10001	2021年9月1日	2024年8月31日
38	2020级援外高级学历学位教育专项计划	国家留学基金管理委员会	3	00010	2021年9月1日	2024年8月31日

2020 List of MOFCOM Degree Education Programs

No.	Program	University	Academic Year	Agency No.	Start	End
1	2020 Master of Public Administration (National Development)	Peking University	1	10001	2021/9/1	2022/8/31
2	2020 Master Program in Public Policy	Peking University	1	10001	2021/9/1	2022/8/31
3	2020 Master of Business Administration	Beijing Normal University	1	10027	2021/9/1	2022/8/31
4	2020 International Executive Master of Business Administration	University of International Business and Economics	1	10036	2021/9/1	2022/8/31
5	2020 Master of Education	East China Normal University	1	10269	2021/9/1	2022/8/31
6	2020 Master of Public Diplomacy	Jilin University	1	10183	2021/9/1	2022/8/31
7	2020 International Master of Public Administration	Tsinghua University	1	10003	2021/9/1	2022/8/31
8	2020 Master Program of International Relations	China Foreign Affairs University	1	10040	2021/9/1	2022/8/31
9	2020 Master of International Communication	Communication University of China	1	10033	2021/9/1	2022/8/31
10	2020 Master of Public Administration In Chinese Governance	Sun Yat-sen University	1	10558	2021/9/1	2022/8/31
11	2020 Master of Urban and Rural Planning	Beijing Jiaotong University	2	10004	2021/9/1	2023/8/31
12	2020 Master Program on Traffic and Transportation Engineering	Beijing Jiaotong University	2	10004	2021/9/1	2023/8/31
13	2020 Master of Forest Economics and Policy	Beijing Forestry University	2	10022	2021/9/1	2023/8/31
14	2020 Master of Educational Management	Northeast Normal University	2	10200	2021/9/1	2023/8/31
15	2020 Master of Tourism and Hotel Management	Harbin University of Commerce	2	10240	2021/9/1	2023/8/31
16	2020 Master of Industrial Engineering	Hunan University	2	10532	2021/9/1	2023/8/31
17	2020 Master of Information and Communication Engineering	Huazhong University of Science and Technology	2	10487	2021/9/1	2023/8/31
18	2020 Master of International Business	Jiangxi University of Finance and Economics	2	10421	2021/9/1	2023/8/31
19	2020 Master of Public Health	Southern Medical University	2	12121	2021/9/1	2023/8/31
20	2020 Master of Fishery Science	Nanjing Agricultural University	2	10307	2021/9/1	2023/8/31
21	2020 Master of Meteorology	Nanjing University of Information Science and Technology	2	10300	2021/9/1	2023/8/31
22	2020 Master of Software Engineering	Nankai University	2	10055	2021/9/1	2023/8/31
23	2020 Master of Public Administration in International Development and Governance	Tsinghua University	2	10003	2021/9/1	2023/8/31
24	2020 Master of Professional Accounting Program	Shanghai National Accounting Institute	2	80402	2021/9/1	2023/8/31
25	2020 Master's Program in Environmental Engineering	Suzhou University of Science and Technology	2	10332	2021/9/1	2023/8/31
26	2020 International Master Program in Environmental Management and Sustainable Development	Tongji University	2	10247	2021/9/1	2023/8/31
27	2020 Master of International Law and Chinese Law	Wuhan University	2	10486	2021/9/1	2023/8/31
28	2020 Master of Electrical Engineering	Xian Jiaotong University	2	10698	2021/9/1	2023/8/31
29	2020 Master of Traffic and Transportation Engineering	Southwest Jiaotong University	2	10613	2021/9/1	2023/8/31
30	2020 Master of Project Management	Yunnan University of Finance & Economics	2	10689	2021/9/1	2023/8/31
31	2020 Master of Comparative Education	Zhejiang Normal University	2	10345	2021/9/1	2023/8/31
32	2020 Master of Management (Rural Development and Management Studies)	China Agricultural University	2	10019	2021/9/1	2023/8/31
33	2020 Master of Development and Governance	Renmin University of China	2	10002	2021/9/1	2023/8/31
34	2020 Master of Social Work (Women's Leadership and Social Development)	China Women's University	2	11149	2021/9/1	2023/8/31
35	2020 Master Program of Advanced Nursing Practice & Medical Technology in Developing Countries	Central South University	2	10533	2021/9/1	2023/8/31
36	2020 Master's Degree Program in Transportation Engineering (Rail Transportation Equipment)	Central South University	2	10533	2021/9/1	2023/8/31
37	2020 Doctoral Program of Theoretical Economics (National Development)	Peking University	3	10001	2021/9/1	2024/8/31
38	2020 MOFCOM Scholarship (CSC Program)	China Scholarship Council (CSC)	3	00010	2021/9/1	2024/8/31

附件 2

26 所项目合作院校名单 (CSC)

1	北京大学
2	清华大学
3	中国人民大学
4	北京师范大学
5	北京交通大学
6	对外经济贸易大学
7	北京航空航天大学
8	南开大学
9	天津大学
10	吉林大学
11	复旦大学
12	上海交通大学
13	同济大学

14	华东师范大学
15	上海财经大学
16	南京大学
17	浙江大学
18	厦门大学
19	山东大学
20	武汉大学
21	华中科技大学
22	武汉理工大学
23	中山大学
24	西南交通大学
25	西安交通大学
26	哈尔滨工业大学

Attachment 2.

The 26 Designated Universities (CCSC)

1	Peking University
2	Tsinghua University
3	Renmin University of China
4	Beijing Normal University
5	Beijing Jiaotong University
6	University of International Business and Economics
7	Beihang University
8	Nankai University
9	Tianjin University
10	Jilin University
11	Fudan University
12	Shanghai Jiaotong University
13	Tongji University

14	East China Normal University
15	Shanghai University of Finance and Economics
16	Nanjing University
17	Zhejiang University
18	Xiamen University
19	Shandong University
20	Wuhan University
21	Huazhong University of Science and Technology
22	Wuhan University of Technology
23	Sun Yat-sen University
24	Southwest Jiaotong University
25	Xi'an Jiaotong University
26	Harbin Institute of Technology